

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THÔNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 22 THÁNG 01 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						301 620	127 971	178 324			
I		<u>CẢNG CHÍNH</u>						32 700	29 492	3 208			
		<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						29 000	29 025	- 25			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	19/01	44/01		VIỆT THUẬN 215-06	CẨM 6A.1	20 700	20 794	- 94	22/01	HỘ LỚN	MỐN: 20.726,27
2		ĐẠM HÀ BẮC	20/01	47/01	31/01	HN 1809	CẨM 4B.1	3 400	3 385	15	22/01	HỘ LỚN	MỐN: 3.372,20
3		ĐẠM HÀ BẮC	21/01	52/01	31/01	QN 4330	CẨM 4B.1	1 700	1 691	9	22/01	HỘ LỚN	MỐN: 1.683,77
4		KDT HÀ NỘI	21/01	63/01	28/01	HN 2402	BÚN 3B	2 000	1 976	24	22/01	TD	GIA HẠN L1
5		DVVT QUẢNG NINH	20/01	174/01	27/01	BN 2139	BÚN 3B	1 200	1 180	20	22/01	TD	
		<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						3 700	467	3 233			
1		ĐẠM HÀ BẮC	22/01	54/01	31/01	QN 1043	CẨM 4B.1	2 400		2 400		HỘ LỚN	
2		ĐTTM&DV	20/01	177/01	27/01	PT 2698	BÚN 3B	1 300	467	833	RÓT DỖ	TD	
		<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>											
		<u>Tàu chuyển tải</u>						144 700	52 309	92 391			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>											
		<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						121 650	52 309	69 341			
1		ĐIỆN VŨNG ÁNG	17/01	33-B/01		TRƯỜNG NGUYỄN SKY	CẨM 5A.10	26 200	17 394	8 806	RÓT DỖ	HỘ LỚN	CLM: 19.000 - KVĐB: 7.200
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	15/01	32/01		GOLDEN STAR	CẨM 6A.1	24 150	20 930	3 220	RÓT DỖ	HỘ LỚN	TTHG: 18.000 - KVCP: 6.150
3		ĐIỆN VŨNG ÁNG	17/01	39-B/01		TRƯỜNG NGUYỄN STAR	CẨM 5A.14	23 300	11 685	11 615	RÓT DỖ	HỘ LỚN	KDTCP: 13.300 - TTHG: 10.000
4		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	15/01	35/01		VIỆT THUẬN 26-01	CẨM 6A.1	25 600	2 300	23 300	RÓT DỖ	HỘ LỚN	TTHG: 20.000 - KVCP: 5.600
5		ĐIỆN VŨNG ÁNG	20/01	46/01		VIỆT THUẬN 235-06	CẨM 5A.14	22 400		22 400		HỘ LỚN	KDTCP: 5.000 - TTHG: 3.400 - CLM: 14.000
		<i>Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)</i>						23 050		23 050			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	19/01	45/01		VIỆT THUẬN 235-07	CẨM 6A.1	23 050		23 050		HỘ LỚN	TTHG: 18.000 - KVCP: 5.050
II		<u>KHO G9-HÓA CHẤT</u>						24 934	5 981	18 953			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						6 105	5 981	124			
1		ĐẠM NINH BÌNH	21/01	53/01	31/01	NB 8519	CẨM 4A.1	3 005	2 947	58	22/01	HỘ LỚN	
2		KDT MIỀN BẮC	22/01	192/01	29/01	BN 2329	CẨM 8A	1 000	984	16	22/01	TD	NGUỒN ĐN-CS
3		THAN NK TÀU MV ECO CENTURION	17/01	250		CỬA ÔNG 10	TNK (NAM PHI)	2 100	2 050	50	22/01		
		<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						8 029		8 029			
1		ĐẠM HÀ BẮC	22/01	55/01	31/01	TĐ 19-3	CẨM 4A.1	2 300		2 300		HỘ LỚN	
2		KDT MIỀN BẮC	22/01	191/01	31/01	HP 6559	CẨM 6A.1	1 636		1 636		PTCB	NGUỒN HL
3		TRƯỜNG ANH 888	19/01	170/01	26/01	BN 1348	CỤC 1B	993		993		TD	NGUỒN ĐN-CS
4		COALIMEX	17/01	59/01	24/01	BN 2228	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 22 THÁNG 01 NĂM 2026

[illegible]

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 22 THÁNG 01 NĂM 2026

[illegible]